

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
(Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 06 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Xét Tờ trình số 08/TTr-TTCNTT ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản) cho 291 học viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản) cho 291 học viên (danh sách kèm theo) đạt yêu cầu tại kỳ thi do Trung tâm công nghệ thông tin Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức vào ngày 23 tháng 4 năm 2022.

Điều 2. Trưởng các đơn vị thuộc trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT; các PHT;
- Như điều 2;
- Lưu VT.TT;

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Quốc Cường

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản)

Danh sách kèm theo Quyết định số 581 /QĐ-ĐHTDM ngày 05 / 5 /2022 của Hiệu trưởng
Trường ĐH Thủ Dầu Một

STT	SBD	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
1	22050001	Nguyễn Thị Hồng Ân	Nữ	11/06/1999	Đồng Nai	6,5	6,5	Đạt
2	22050005	Lê Thị Kim Anh	Nữ	03/07/2001	Thanh Hóa	6,5	8,0	Đạt
3	22050006	Nguyễn Phương Anh	Nữ	11/06/2002	Bình Dương	7,5	5,0	Đạt
4	22050008	Phạm Giang Quế Anh	Nữ	22/09/2002	Bình Dương	6,5	5,5	Đạt
5	22050009	Trần Thị Minh Anh	Nữ	25/10/2000	Bình Dương	6,5	5,0	Đạt
6	22050011	Võ Ngọc Kim Anh	Nữ	06/01/2003	Bình Dương	6,0	5,5	Đạt
7	22050012	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	07/07/2002	Đắk Lắk	7,0	8,5	Đạt
8	22050013	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	28/01/2000	Phú Thọ	5,5	5,5	Đạt
9	22050015	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	04/08/1995	Thanh Hóa	7,0	5,0	Đạt
10	22050016	Nguyễn Thái Bảo	Nam	12/11/1998	Đắk Lắk	7,5	6,0	Đạt
11	22050017	Trần Thị Bích	Nữ	10/03/2000	Đồng Nai	5,5	5,5	Đạt
12	22050020	Đặng Phương Chi	Nữ	28/06/1999	Bình Dương	6,5	5,0	Đạt
13	22050021	Đỗ Văn Chính	Nam	13/05/2000	Nam Định	8,0	9,0	Đạt
14	22050022	Lê Thọ Công	Nam	27/12/1999	Đồng Nai	7,5	6,0	Đạt
15	22050026	Huỳnh Công Danh	Nam	04/05/1999	Bình Dương	6,5	5,0	Đạt
16	22050027	Nguyễn Thị Trúc Đào	Nữ	12/11/2000	Bình Dương	5,0	5,0	Đạt
17	22050028	Thái Quốc Đạt	Nam	23/04/1999	Bình Dương	7,5	5,5	Đạt
18	22050029	Trần Ngọc Tấn Đạt	Nam	02/04/2000	Bình Dương	7,0	6,0	Đạt
19	22050031	Lê Thị Thúy Diễm	Nữ	16/01/2001	Phú Yên	5,5	5,0	Đạt
20	22050033	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	30/09/2001	Đồng Nai	6,0	5,0	Đạt
21	22050034	Nguyễn Mậu Nhật Đô	Nam	02/10/2001	Quảng Nam	7,0	7,5	Đạt
22	22050035	Giang Kim Doanh	Nữ	22/08/2003	Bình Dương	6,5	8,0	Đạt
23	22050036	Nguyễn Văn Đợi	Nam	17/07/2000	Nam Định	7,5	6,5	Đạt
24	22050037	Đặng Võ Minh Đức	Nam	11/05/2000	Bình Dương	6,5	5,5	Đạt
25	22050038	Huỳnh Thị Thu Dung	Nữ	28/08/2000	Bình Dương	8,0	9,5	Đạt
26	22050039	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	Nữ	27/08/1999	Đắk Lắk	6,5	5,5	Đạt
27	22050041	Nguyễn Lê Dũng	Nam	08/11/2000	Bình Dương	7,5	8,5	Đạt
28	22050042	Nguyễn Mạnh Dũng	Nam	12/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	Đạt
29	22050043	Hồ Ánh Dương	Nam	26/03/2000	Thanh Hóa	8,0	5,0	Đạt
30	22050044	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	12/06/2001	Bình Dương	6,0	6,5	Đạt
31	22050046	Huỳnh Triệu Mai Duy	Nữ	21/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,0	5,5	Đạt
32	22050047	Nguyễn Khánh Duy	Nam	05/12/2002	Bình Dương	6,5	5,0	Đạt
33	22050050	Cao Thị Trà Giang	Nữ	14/05/2001	Hà Tĩnh	7,5	5,5	Đạt
34	22050051	Lương Thị Hương Giang	Nữ	31/03/2000	Đắk Lắk	8,0	9,0	Đạt
35	22050052	Nguyễn Phương Giang	Nữ	26/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	Đạt
36	22050053	Hoàng Thị Hà	Nữ	14/05/2001	Thái Bình	5,5	5,5	Đạt
37	22050056	Phạm Thị Hà	Nữ	25/06/2000	Nghệ An	8,0	8,0	Đạt
38	22050057	Lê Ngọc Hân	Nữ	21/09/2001	Đồng Nai	7,0	6,5	Đạt

Handwritten signature and stamp

STT	SBD	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
39	22050058	Lê Ngọc Hân	Nữ	04/09/2000	Hà Nam	7,0	6,0	Đạt
40	22050060	Đặng Thị Hằng	Nữ	17/11/1989	Thái Bình	7,0	5,5	Đạt
41	22050062	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	18/12/2002	Bình Dương	8,0	10,0	Đạt
42	22050063	Nguyễn Trần Thúy Hằng	Nữ	06/03/2000	Bình Dương	7,5	10,0	Đạt
43	22050066	Võ Huỳnh Ngân	Nữ	27/11/2002	Bình Dương	6,0	5,5	Đạt
44	22050067	Đào Hiền	Nữ	13/04/2000	Thanh Hóa	7,0	5,5	Đạt
45	22050068	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	26/05/2000	Bình Dương	6,5	6,0	Đạt
46	22050069	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/07/2000	Bình Dương	7,5	7,5	Đạt
47	22050070	Trần Thị Thu	Nữ	08/11/1999	Bình Dương	6,5	5,5	Đạt
48	22050071	Trịnh Thị Thu	Nữ	11/09/2001	Bình Dương	7,5	6,0	Đạt
49	22050072	Võ Thị Thu	Nữ	19/02/2000	Đắk Lắk	5,0	5,5	Đạt
50	22050073	Nguyễn Hoàng Hiệp	Nam	12/07/2000	Bình Dương	7,0	8,5	Đạt
51	22050074	Nguyễn Công Hiếu	Nam	06/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,0	5,5	Đạt
52	22050075	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	24/09/2003	Bình Dương	6,0	7,5	Đạt
53	22050076	Phạm Minh Hiếu	Nam	07/09/2000	Bình Dương	7,0	7,5	Đạt
54	22050077	Phan Trung Hiếu	Nam	04/07/1998	Tây Ninh	7,0	7,0	Đạt
55	22050080	Trần Thị Thu Hoài	Nữ	28/04/2001	Hà Nội	6,0	6,0	Đạt
56	22050081	Mai Xuân Hoàng	Nam	20/09/1999	Đắk Lắk	7,5	8,5	Đạt
57	22050083	Lưu Nguyên Hồng	Nữ	11/11/2001	Bình Dương	9,0	9,0	Đạt
58	22050084	Phạm Thị Thanh Huệ	Nữ	12/12/1999	Bình Dương	5,0	6,0	Đạt
59	22050085	Phan Quốc Hùng	Nam	29/06/2000	Bình Dương	5,5	8,5	Đạt
60	22050086	Lê Thị Hương	Nữ	06/05/2001	Gia Lai	7,5	6,0	Đạt
61	22050087	Võ Nguyễn Bảo	Nữ	31/10/2000	Bình Thuận	8,0	6,0	Đạt
62	22050090	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	23/11/2000	Bình Phước	6,0	5,0	Đạt
63	22050091	Nguyễn Phan Thanh Huyền	Nữ	29/06/2001	Hà Tĩnh	7,0	8,0	Đạt
64	22050092	Phạm Thị Huyền	Nữ	17/11/2002	Đắk Lắk	5,5	5,5	Đạt
65	22050093	Trịnh Thị Ngọc Huyền	Nữ	31/01/2001	Bình Phước	6,0	8,0	Đạt
66	22050095	Bùi Nguyễn Bảo Khanh	Nam	14/08/2001	Bình Dương	7,5	7,0	Đạt
67	22050096	Phạm Kim Khánh	Nữ	17/01/2000	Bình Dương	6,5	6,5	Đạt
68	22050098	Nguyễn Trọng Khiêm	Nam	20/06/2000	Bình Dương	7,0	7,0	Đạt
69	22050100	Phạm Bùi Minh Khoa	Nam	12/11/2002	Đắk Nông	8,0	7,5	Đạt
70	22050101	Lê Đình Khôi	Nam	10/10/2000	Tây Ninh	5,0	7,0	Đạt
71	22050102	Trần Tuấn Kiệt	Nam	25/01/2002	Bình Dương	8,0	9,0	Đạt
72	22050103	Hoàng Thị Thúy Kiều	Nữ	07/11/2003	Bắc Kạn	7,5	8,5	Đạt
73	22050105	Ninh Hoàng Lâm	Nam	14/11/2002	Bình Dương	8,0	8,0	Đạt
74	22050106	Trần Nguyễn Xuân Lâm	Nam	05/08/2003	Bình Dương	7,0	6,0	Đạt
75	22050107	Võ Trần Lâm	Nam	11/10/2000	Bình Dương	6,0	8,0	Đạt
76	22050108	Lê Mai Lan	Nữ	26/04/2002	Thanh Hóa	7,0	8,0	Đạt
77	22050110	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	26/12/2001	Hải Dương	8,0	7,0	Đạt
78	22050111	Ngô Phi Lân	Nam	06/02/1998	Bình Dương	8,0	6,0	Đạt
79	22050112	Nguyễn Hồng Liên	Nữ	02/02/2002	Bình Dương	7,5	6,0	Đạt
80	22050113	Lê Thị Thúy Liễu	Nữ	07/03/2002	Bình Dương	5,0	5,0	Đạt
81	22050114	Đặng Trần Ánh Linh	Nữ	01/04/2001	Bình Định	7,0	7,5	Đạt
82	22050117	Hoàng Thị Trúc Linh	Nữ	31/08/2002	Bình Dương	6,5	7,5	Đạt
83	22050120	Lê Thị Mỹ Linh	Nữ	10/09/2002	Đồng Nai	8,5	8,0	Đạt
84	22050121	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	20/08/2001	Hà Tĩnh	7,0	6,5	Đạt

Handwritten signature and initials in blue ink.

STT	SBD	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
85	22050122	Lê Thị Trúc Linh	Nữ	02/11/2002	Bình Dương	6,0	9,0	Đạt
86	22050123	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	25/06/2000	Đắk Lắk	6,0	7,0	Đạt
87	22050124	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	07/11/2002	Bình Phước	5,5	5,5	Đạt
88	22050125	Phan Phương Linh	Nữ	21/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt
89	22050128	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	18/05/2000	Bình Phước	6,0	6,0	Đạt
90	22050130	Vũ Thị Xuân Linh	Nữ	12/07/2002	Đắk Lắk	6,5	5,5	Đạt
91	22050131	Trần Thị Ngọc Loan	Nữ	25/09/1999	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
92	22050132	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	18/01/2001	Bình Phước	6,0	5,5	Đạt
93	22050134	Huỳnh Thành Long	Nam	09/10/2001	Bình Dương	8,0	8,5	Đạt
94	22050135	Lê Đoàn Hoàng Long	Nam	02/09/2001	Bình Dương	8,0	7,5	Đạt
95	22050136	Nguyễn Hoàn Long	Nam	19/01/2001	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
96	22050139	Trang Thanh Hi Lũ	Nam	12/07/2001	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
97	22050140	Nguyễn Thị Hồng Lực	Nữ	16/05/2002	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
98	22050142	Chu Khánh Ly	Nữ	15/09/2001	Nghệ An	6,5	8,5	Đạt
99	22050143	Đoàn Nguyễn Cẩm Ly	Nữ	18/04/2000	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
100	22050144	Nguyễn Hà Thảo Ly	Nữ	12/11/2000	Bình Phước	6,5	6,0	Đạt
101	22050145	Thái Trúc Ly	Nữ	12/11/2001	Bình Dương	6,5	6,0	Đạt
102	22050146	Châu Thị Ngọc Lý	Nữ	23/05/2001	Bình Dương	7,5	5,0	Đạt
103	22050149	Nông Văn Mạnh	Nam	23/12/1997	Bình Phước	6,0	6,0	Đạt
104	22050152	Đặng Nguyễn Kiều Mĩ	Nữ	04/09/2000	Bình Thuận	7,5	8,0	Đạt
105	22050154	Trần Văn Lý Minh	Nam	31/08/2001	An Giang	6,5	7,0	Đạt
106	22050155	Lê Thị Kiều My	Nữ	15/04/2001	Bình Định	6,0	5,5	Đạt
107	22050157	Lê Thị Tuyết My	Nữ	16/07/2002	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
108	22050158	Mai Huỳnh My	Nữ	27/06/2002	Bình Dương	6,5	8,5	Đạt
109	22050160	Trần Kiều My	Nữ	09/10/2000	Cà Mau	5,0	5,5	Đạt
110	22050161	Nguyễn Lê Hoàng Na	Nữ	19/02/2001	Đắk Lắk	7,5	8,0	Đạt
111	22050162	Lưu Hoài Nam	Nam	19/09/2000	Phú Yên	6,0	7,0	Đạt
112	22050166	Nguyễn Thanh Nga	Nữ	05/10/2000	Tây Ninh	5,5	7,5	Đạt
113	22050167	Huỳnh Hoa Diêu Ngân	Nữ	11/09/2001	Bình Thuận	6,5	8,0	Đạt
114	22050170	Từ Thanh Kim Ngân	Nữ	19/09/1999	An Giang	5,5	5,5	Đạt
115	22050171	Võ Thị Tuyết Ngân	Nữ	23/03/2001	Bình Dương	7,0	6,5	Đạt
116	22050175	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	11/04/1998	Bình Dương	7,0	9,0	Đạt
117	22050176	Trần Lâm Bảo Ngọc	Nữ	18/01/2002	Bình Dương	8,0	8,5	Đạt
118	22050177	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	27/10/2000	Bình Thuận	7,0	8,0	Đạt
119	22050179	Đình Hồng Nguyên	Nam	10/11/2001	Nghệ An	7,5	8,5	Đạt
120	22050180	Lê Hoàng Nguyên	Nữ	29/07/2003	Bình Dương	6,0	8,5	Đạt
121	22050181	Trịnh Lương Nguyên	Nữ	10/11/2000	Ninh Thuận	7,5	5,0	Đạt
122	22050183	Nguyễn Hà Thanh Nhân	Nữ	10/01/1999	Bình Dương	6,5	8,0	Đạt
123	22050184	Nguyễn Thanh Nhân	Nữ	22/07/2000	Bình Dương	7,0	8,5	Đạt
124	22050186	Phan Thành Nhân	Nam	27/01/2001	Bình Định	7,5	8,0	Đạt
125	22050191	Nguyễn Dương Uyên Nhi	Nữ	10/09/2001	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
126	22050193	Phạm Huỳnh Khả Nhi	Nữ	30/05/2000	Bình Dương	6,5	6,5	Đạt
127	22050194	Trương Tú Nhiên	Nữ	29/07/2000	Bình Dương	8,0	8,0	Đạt
128	22050197	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	06/06/2000	Kiên Giang	6,0	6,0	Đạt
129	22050198	Nguyễn Thị Mỹ Như	Nữ	25/11/1999	Bình Dương	6,5	6,5	Đạt
130	22050200	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	23/03/2000	Bình Dương	6,0	6,5	Đạt

Handwritten signature and initials:
 M N
 Baur

STT	SBD	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
131	22050201	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	12/08/2001	Bình Dương	8,0	9,0	Đạt
132	22050202	Trần Thị Hồng	Nữ	29/07/1997	Bình Thuận	5,0	7,0	Đạt
133	22050203	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	01/11/2001	Long An	5,5	8,0	Đạt
134	22050205	Lê Huỳnh	Nữ	29/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	7,5	5,5	Đạt
135	22050206	Lê Nguyễn Yến	Nữ	16/03/2001	Phú Yên	5,0	6,0	Đạt
136	22050207	Nguyễn Hồng	Nữ	30/09/2003	Bình Dương	8,0	9,5	Đạt
137	22050208	Nguyễn Huỳnh	Nữ	15/11/2000	Tây Ninh	7,0	7,0	Đạt
138	22050209	Nguyễn Thị	Nữ	20/04/2000	Bình Phước	7,0	6,0	Đạt
139	22050210	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	05/01/2001	Bình Định	7,5	5,5	Đạt
140	22050212	Trần Thị Hồng	Nữ	09/04/2002	Gia Lai	6,5	6,0	Đạt
141	22050213	Cao Thị Kiều	Nữ	16/09/2000	Nam Định	6,5	7,0	Đạt
142	22050214	Lê Thị Hoàng	Nữ	26/08/2000	Bình Dương	7,5	5,0	Đạt
143	22050217	Vũ Thị	Nữ	15/02/1994	Bình Phước	7,5	6,0	Đạt
144	22050218	Vũ Thị Kiều	Nữ	04/09/2001	Lâm Đồng	6,0	5,0	Đạt
145	22050219	Phạm Nguyễn Hồng	Nữ	18/12/2000	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
146	22050221	Huỳnh Thị Thu	Nữ	17/10/2001	Bình Dương	5,5	6,0	Đạt
147	22050223	Phạm Võ Thanh	Nam	01/01/2000	Hậu Giang	6,0	5,5	Đạt
148	22050225	Nguyễn Hoàng	Nam	04/04/2001	Đồng Tháp	5,0	5,5	Đạt
149	22050226	Huỳnh Kim	Nam	02/11/2001	Bình Dương	8,0	8,5	Đạt
150	22050228	Trần Hữu	Nam	10/05/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,0	6,5	Đạt
151	22050229	Hoàng Thanh	Nữ	14/05/2000	Gia Lai	6,0	7,5	Đạt
152	22050230	Lâm Ngọc	Nữ	16/12/2001	Sóc Trăng	8,0	5,5	Đạt
153	22050233	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	08/10/2001	Vĩnh Long	6,0	6,0	Đạt
154	22050234	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	31/08/2001	Phú Yên	6,5	8,5	Đạt
155	22050235	Nguyễn Trúc	Nữ	19/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	Đạt
156	22050236	Phạm Mai	Nữ	04/12/2000	Bình Dương	7,5	7,5	Đạt
157	22050237	Phạm Mỹ	Nữ	16/08/2001	Bình Định	8,0	8,5	Đạt
158	22050238	Trần Lữ Thanh	Nữ	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	6,5	8,5	Đạt
159	22050239	Võ Thị Thu	Nữ	04/07/2001	Bình Dương	6,5	5,0	Đạt
160	22050240	Mai Thị	Nữ	04/07/1996	Thái Bình	6,5	6,0	Đạt
161	22050242	Hà Thị Kim	Nữ	05/05/1998	Đồng Tháp	5,5	6,0	Đạt
162	22050243	Nguyễn Hồng	Nữ	30/07/2002	Bình Dương	8,5	5,5	Đạt
163	22050245	Nguyễn Ngọc	Nam	24/11/2001	Ninh Thuận	6,5	8,0	Đạt
164	22050247	Nguyễn Thị	Nữ	26/10/2001	Thanh Hóa	6,0	5,5	Đạt
165	22050249	Nguyễn Thị Như	Nữ	21/08/1999	Bình Dương	7,0	6,0	Đạt
166	22050250	Nguyễn Thị Như	Nữ	28/10/2001	Quảng Nam	7,5	8,0	Đạt
167	22050251	Trịnh Thị Diễm	Nữ	03/08/2000	Thanh Hóa	5,0	6,5	Đạt
168	22050252	K'	Nam	19/09/1999	Lâm Đồng	7,5	8,5	Đạt
169	22050254	Đậu Thị	Nữ	16/05/2002	Nghệ An	6,5	5,5	Đạt
170	22050255	Đàm Nhật	Nam	18/07/2001	Đồng Nai	6,5	6,5	Đạt
171	22050256	Trần Văn	Nam	31/10/1999	Kon Tum	5,0	5,0	Đạt
172	22050257	Nguyễn Tú	Nam	10/09/2000	Bình Dương	5,5	5,0	Đạt
173	22050258	Đặng Thị Như	Nữ	13/02/2000	Bình Dương	6,5	9,0	Đạt
174	22050259	Nguyễn Thùy	Nữ	27/01/2001	Bình Dương	7,0	5,0	Đạt
175	22050261	Nguyễn Minh	Nam	02/10/2000	Bình Dương	8,5	9,0	Đạt
176	22050262	Lê Thị Hồng	Nữ	06/02/1999	Đắk Lắk	6,5	5,5	Đạt

Minh Tuấn
Nguyễn

STT	SBD	Họ tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
177	22050263	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	06/07/2002	Nghệ An	7,5	7,5	Đạt
178	22050265	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	08/12/2000	Bình Dương	6,5	6,5	Đạt
179	22050266	Phạm Hồng	Thắng	Nam	05/06/2001	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
180	22050267	Trần Đức	Thắng	Nam	05/11/2001	Bình Dương	7,0	6,5	Đạt
181	22050268	Hồ Thị Thu	Thanh	Nữ	27/07/1999	Bình Dương	7,0	6,0	Đạt
182	22050269	Huỳnh Thu	Thanh	Nữ	08/11/2000	Bình Dương	6,0	6,0	Đạt
183	22050271	Lê Thị Lan	Thanh	Nữ	13/12/2000	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
184	22050272	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	Nữ	22/02/2002	Bình Dương	6,0	7,5	Đạt
185	22050273	Phạm Thị	Thanh	Nữ	17/08/2001	Nam Định	7,5	5,5	Đạt
186	22050274	Hồ Tấn	Thành	Nam	07/08/1999	Gia Lai	6,5	6,0	Đạt
187	22050276	Đoàn Ngọc	Thảo	Nữ	01/05/2000	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
188	22050277	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	07/04/2002	Thanh Hóa	6,5	6,5	Đạt
189	22050279	Ngô Thùy Phương	Thảo	Nữ	27/04/1998	Bình Phước	6,5	9,0	Đạt
190	22050280	Phạm Thị	Thảo	Nữ	06/04/2000	Bình Dương	7,0	6,0	Đạt
191	22050281	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	07/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	6,5	5,0	Đạt
192	22050282	Phan Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04/01/2003	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
193	22050283	Trịnh Ngọc	Thảo	Nữ	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	6,5	5,5	Đạt
194	22050287	Bùi Chí	Thiện	Nam	10/12/1999	Bến Tre	6,5	5,0	Đạt
195	22050289	Nguyễn Tân	Thịnh	Nam	29/10/2002	Khánh Hòa	6,5	5,0	Đạt
196	22050292	Nguyễn Thị	Tho	Nữ	20/08/2000	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
197	22050293	Thanh Thị Kim	Thoa	Nữ	10/05/1998	Bình Thuận	6,0	5,0	Đạt
198	22050295	Mai Thị Cẩm	Thu	Nữ	01/09/2001	Tây Ninh	6,5	6,0	Đạt
199	22050297	Bùi Võ Anh	Thư	Nữ	10/09/2002	Bình Phước	6,5	5,0	Đạt
200	22050299	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	26/08/2000	Ninh Bình	6,0	7,0	Đạt
201	22050300	Trần Thị Thanh	Thư	Nữ	15/09/2002	An Giang	6,5	7,0	Đạt
202	22050301	Đoàn Duy	Thuần	Nam	31/03/2000	Bình Dương	7,5	5,0	Đạt
203	22050303	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	15/03/2001	Bình Dương	7,0	8,5	Đạt
204	22050304	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	23/10/2001	Gia Lai	5,5	5,0	Đạt
205	22050305	Nguyễn Hiền	Thục	Nữ	17/04/2002	Long An	7,0	5,0	Đạt
206	22050308	Nguyễn Thị Hữu	Thương	Nữ	24/09/2002	Bình Phước	7,0	5,0	Đạt
207	22050309	Nguyễn Thị Thanh	Thương	Nữ	20/01/2001	Bình Dương	7,5	6,5	Đạt
208	22050310	Nguyễn Thị Thanh	Thương	Nữ	12/02/2000	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
209	22050312	Lê Thị Hồng	Thủy	Nữ	20/09/2001	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
210	22050313	Phan Thị Thanh	Thủy	Nữ	29/09/2003	Bình Dương	5,5	5,0	Đạt
211	22050315	Bồ Thị Thu	Thuyền	Nữ	20/12/2000	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
212	22050317	Đoàn Thị Thủy	Tiên	Nữ	31/07/2001	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
213	22050324	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	24/05/2000	Bình Dương	7,0	5,5	Đạt
214	22050327	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	11/11/2001	Bình Dương	6,0	6,5	Đạt
215	22050328	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	05/11/2000	Bình Dương	6,0	5,0	Đạt
216	22050332	Tăng Ngọc	Trâm	Nữ	26/09/2001	Vĩnh Long	8,0	7,0	Đạt
217	22050333	Trần Thị Bảo	Trâm	Nữ	21/08/2002	Bình Phước	6,5	5,5	Đạt
218	22050334	Lê Thị Ngọc	Trân	Nữ	12/12/2000	Tây Ninh	5,5	9,0	Đạt
219	22050337	Huỳnh Bích	Trang	Nữ	20/12/2001	Bạc Liêu	7,5	6,0	Đạt
220	22050338	Mai Thị Huyền	Trang	Nữ	23/09/2001	Thanh Hóa	6,5	5,5	Đạt
221	22050339	Ngô Thị Quỳnh	Trang	Nữ	30/01/2001	Thừa Thiên Huế	6,5	5,0	Đạt
222	22050340	Nguyễn Hoàng	Trang	Nữ	16/09/2001	Bình Dương	8,0	7,5	Đạt

Handwritten signature and initials.

5,0 Đạt

STT	SBD	Họ tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TN	Điểm TH	Kết quả
269	22050416	Nguyễn Công Chính	Nam	18/11/2002	Bình Phước	5,5	5,0	Đạt
270	22050417	Nguyễn Văn Danh	Nam	31/07/2004	Bình Phước	5,5	6,0	Đạt
271	22050419	Điền Hải	Nam	28/10/2002	Bình Phước	5,0	6,5	Đạt
272	22050420	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	06/01/2003	Bình Phước	6,0	6,0	Đạt
273	22050422	Phạm Hoàng Hiếu	Nam	29/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	5,0	5,5	Đạt
274	22050423	Phạm Minh Hiếu	Nam	28/08/2003	Bình Phước	5,0	6,0	Đạt
275	22050424	Nguyễn Thị Diễm Liên	Nữ	16/09/2005	Bình Phước	5,0	7,0	Đạt
276	22050425	Nguyễn Duy Long	Nam	24/06/2005	Đắk Nông	5,5	5,0	Đạt
277	22050426	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	31/12/2003	Thái Nguyên	7,0	5,0	Đạt
278	22050427	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	04/11/2005	TP. Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Đạt
279	22050429	Nguyễn Ánh Ngọc	Nữ	02/03/2005	Bình Phước	5,0	5,5	Đạt
280	22050430	Nguyễn Yên Nhi	Nữ	15/11/2004	Bình Phước	5,5	5,0	Đạt
281	22050432	Võ Thị Kiều Oanh	Nữ	27/02/2006	Bình Phước	5,0	5,5	Đạt
282	22050433	Trương Văn Phúc	Nam	22/04/2003	Bình Phước	5,0	5,0	Đạt
283	22050434	Hoàng Kim Phụng	Nữ	29/11/2004	Bình Phước	5,0	6,5	Đạt
284	22050435	Tô Thị Thanh Phương	Nữ	04/09/2004	Bình Phước	5,0	5,5	Đạt
285	22050437	Nguyễn Thị Minh Thảo	Nữ	27/10/2004	Bình Phước	6,0	5,0	Đạt
286	22050438	Nông Ngọc Sơn	Nam	13/02/2005	Bình Phước	5,0	6,5	Đạt
287	22050439	Nguyễn Quốc Thiện	Nam	13/09/2003	Bình Phước	5,0	5,0	Đạt
288	22050440	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	17/06/2004	Bình Phước	5,0	5,0	Đạt
289	22050441	Lê Thành Trung	Nam	30/05/2004	Bình Phước	5,0	5,5	Đạt
290	22050442	Nguyễn Đan Trường	Nam	01/12/2003	Ninh Bình	5,5	5,0	Đạt
291	22050444	Trần Nguyễn Vũ	Nam	12/11/2004	Bình Phước	5,0	6,0	Đạt

Danh sách này có 291 thí sinh.